TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 375/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 11 - 2025
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Tý

Ông Phạm Trường Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2025, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 114/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 355/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông LO, KAI-HSIN, sinh năm 1989 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số D, C, khóm A, phường T, thị trấn Đ, huyện V, Đài Loan.

2. *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Bích T, sinh năm 2004 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (cũ), nay là xã V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông L, KAI-HSIN trình bày: Qua quen biết và tìm hiểu, ông L, KAI-HSIN đã tự nguyện đi đến hôn nhân với bà Phạm Thị Bích T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang cũ, nay là thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 120, ngày 25 tháng 11 năm 2025. Sau khi kết hôn, ông L, KAI-HSIN dự định đưa bà Phạm Thị Bích T sang Đài Loan để chung sống với nhau, nhưng trong quá trình làm các thủ tục thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do cá tính

nguyên đơn và bị đơn không hợp nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông L, KAI-HSIN yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang cũ, nay là Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Ông LO, KAI-HSIN yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị Bích T.

Về con chung: Ông LO, KAI-HSIN với bà Phạm Thị Bích T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông LO, KAI-HSIN với bà Phạm Thị Bích T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông LO, KAI-HSIN có đơn yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Phạm Thị Bích T sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án có văn bản trình bày ý kiến thể hiện: Bà thống nhất với lời trình bày của ông L, KAI-HSIN về quan hệ hôn nhân cũng như con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong cuộc sống hôn nhân bà Phạm Thị Bích T và ông L, KAI-HSIN không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông L, KAI-HSIN yêu cầu ly hôn thì bà Phạm Thị Bích T đồng ý. Bà Phạm Thị Bích T có đơn xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông L, KAI-HSIN có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), hiện đang sinh sống tại Đài Loan khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Phạm Thị Bích T thường trú tại huyện V, tỉnh Hậu Giang cũ, nay là thành phố Cần Thơ. Quan hệ hôn nhân giữa ông L, KAI-HSIN và bà Phạm Thị Bích T có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 4 Nghị Quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án thành phố Cần Thơ đã thụ lý trước ngày 01/7/2025 nhưng chưa giải quyết xong, nên tiếp tục giải quyết vụ án, không chuyển về Tòa án nhân dân Khu vực.

Nguyên đơn, ông L, KAI-HSIN đã được Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông

LO, KAI-HSIN có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Phạm Thị Bích T đã có văn bản trình bày ý kiến về việc ly hôn với ông L, KAI-HSIN và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Xét thấy, nguyên đơn, bị đơn có lời trình bày đầy đủ, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*

Nguyên đơn ông L, KAI-HSIN và bị đơn bà Phạm Thị Bích T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang cũ, nay là thành phố Cần Thơ. Quan hệ hôn nhân của ông L, KAI-HSIN và bị đơn bà Phạm Thị Bích T được pháp luật Việt Nam thừa nhận. Sau khi kết hôn nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn liên lạc với nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Hiện tại, ông L, KAI-HSIN và bà Phạm Thị Bích T sống hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Nay ông LO, KAI-HSIN xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị Bích T. Bị đơn bà Phạm Thị Bích T đồng ý ly hôn với ông L, KAI-HSIN. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa ông L, KAI-HSIN và bà Phạm Thị Bích T đã không còn cơ hội hàn gắn và đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông L, KAI-HSIN được ly hôn với bà Phạm Thị Bích T.

[2.2] Về con chung: Ông LO, KAI-HSIN và bà Phạm Thị Bích T khai không có, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông LO, KAI-HSIN và bà Phạm Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông LO, KAI-HSIN phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, 37, 147, 227, 228, 470, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 122, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn ông L, KAI-HSIN được ly hôn với bị đơn bà Phạm Thị Bích T.

2. Về con chung: Nguyên đơn ông L, KAI-HSIN và bị đơn bà Phạm Thị Bích T khai không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn ông L, KAI-HSIN và bị đơn bà Phạm Thị Bích T khai không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc nguyên đơn ông L, KAI-HSIN phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông L, KAI-HSIN đã nộp theo biên lai thu số 0000378 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang cũ, nay là Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- UBND xã Vị Thủy, TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phượng